

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Viết Sang

Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Thị L, sinh năm: 1993 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ H, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Anh N, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P B, xã T S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2021, bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Dương Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh N ngày 09 tháng 02 năm 2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn P B, xã T S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống trong thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với bố mẹ anh N tại thôn P B, xã T S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn chị L xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Anh N:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với anh Nguyễn Anh N nhưng không gặp được anh N. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản gồm thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn V T là bố đẻ anh N nhận thay, quá trình làm việc với ông T xác định ông T đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc và không gửi văn bản ghi ý kiến của anh N cho Tòa án. Do vậy, không có lời khai của anh Nguyễn Anh N trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn V T là bố đẻ anh Nguyễn Anh N cho biết: Chị L và anh N kết hôn ngày 09 tháng 02 năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L và anh N về chung sống với gia đình ông T tại thôn P B, xã T S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh N chung sống hòa thuận trong thời gian đầu đến tháng 10 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị L, anh N không hợp nhau, hay xảy ra bất đồng về quan điểm sống, chị L và anh N ly thân từ tháng 10 năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xin ly hôn anh N ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh N ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Bảo N cho anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng vì cháu N đã sống với anh N từ nhỏ cho đến nay, sống cùng anh N thuận tiện cho cháu N đi học.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Dương Thị L và anh Nguyễn Anh N đều vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L, cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Anh N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01/12/2013 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, anh N không phải cấp dưỡng nhưng có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Anh N có địa chỉ tại xã T S, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Chị Dương Thị L vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của

cuộc hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị L, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với gia đình anh N, khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Xét thấy: Cháu Nguyễn Bảo N có nguyện vọng được sống cùng với chị L, mặt khác anh N hiện đang đi làm ăn thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu N hiện còn nhỏ cần có sự quan tâm và chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung: Qua lời khai của chị L và kết quả xác minh tại gia đình anh N xác định vợ chồng chị L và anh N không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L ly hôn anh Nguyễn Anh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2013 cho chị Dương Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ số tiền 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0004668 ngày 03/3/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã T S;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng